

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH  
TÂN**

**TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 92/2023/HNGĐ -ST

Ngày: 8/11/2023

Về việc “Xin ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Minh Thu

2/ Ông Nguyễn Ngọc Tòng

*Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí*

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.*

Ngày 8 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 206/2022/TLST – HNGĐ ngày 30/10/2023, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện và bản khai đề ngày 30/10/2023 nguyên đơn nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Vào năm 2001, anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T cưới nhau, hôn nhân do quen biết, có tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý. Vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Nữ trang ngày cưới gồm có 1 lượng vàng 24k, hiện tại không còn do chi tiêu sinh hoạt trong gia đình hết.

Sau ngày cưới vợ chồng sống tại Khóm T, thị trấn T, huyện B, Vĩnh Long. Trong thời gia chung sống, anh chị sống hạnh phúc được 21 năm. Vợ chồng có sinh được 01 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/01/2007, hiện đang sống chung với chị T.

Về tài sản chung: trong thời gian chung sống vợ chồng không có tạo ra tài sản chung. Vợ chồng không thiếu nợ ai.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống dẫn đến gây gổ đến mức trầm trọng. Vợ chồng đã nhiều lần khuyên bảo nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D xin ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn D đồng ý cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/01/2007 và ông D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

\* Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Qua lời trình bày của anh Nguyễn Văn D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung là đúng. Về mâu thuẫn gia đình thì anh D trình bày là đúng. Chị T xác định không còn tình cảm với nhau nữa. Nay anh Nguyễn Văn D xin ly hôn thì chị T có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D xin ly hôn chị Nguyễn Thị T đồng ý.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị T yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/01/2007 và chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Tại phiên tòa hôm nay:

Anh Nguyễn Văn D yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D xin ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn D đồng ý cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/01/2007 và anh D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2001, anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T cưới nhau, hôn nhân do quen biết, có tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý. Vợ chồng không có đăng ký kết hôn đây là hôn nhân không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm sống, dẫn đến gây gổ với nhau. Vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Anh D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó anh D không còn mong muốn cùng chị T xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên anh D cương quyết xin ly hôn. Xét yêu cầu của anh D là có cơ sở nên áp dụng vào Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

[4] Xét về con chung: Trong thời gian chung sống anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T có sinh được 01 con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/01/2007. Hiện cháu Đ sống chung anh D và chị T. Anh D thống nhất cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/01/2007 và chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của cháu Đ không bị thay đổi nên để chị T tiếp tục nuôi cháu Đ là phù hợp với nguyện vọng của chị T và cháu Đ. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc và không trái pháp luật. Xét yêu cầu của anh D là có cơ sở. Áp dụng Điều 92, 94 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 15, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D. Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/01/2007. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn D được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

[5] Về quan hệ tài sản: trong thời gian chung sống anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T không có tạo ra tài sản chung. Vợ chồng không thiếu nợ ai. Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh Nguyễn Văn D nộp 300.000 đồng, anh D được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N<sub>đ</sub> 0013167 ngày 30/10/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Điều 11, 92, 94 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 14, 15, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D

1/Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2/Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 19/01/2007. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn D được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

3/Về quan hệ tài sản: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn D nộp 300.000 đồng, anh D được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N<sub>đ</sub> 0013167 ngày 30/10/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn D biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị T xin vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND xã thị trấn Tân Quới,  
Huyện Bình Tân, Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký )**

**Phạm Thành Tựu**